

Số: 07/CV

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 3 năm 2019

V/v “Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2018 giảm hơn 10% so với năm 2017”

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC.**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Theo số liệu báo cáo tài chính năm 2018 thì lợi nhuận sau thuế của Công ty cổ phần HTINVEST là 196.604.489 đồng giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2017. Công ty xin báo cáo giải trình như sau :

1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017	Tăng (+) Giảm (-)	Tỉ lệ % CK
1	Tổng sản lượng	Triệu trang	464,50	737,50	(273,00)	62,98%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	8,559,50	12,515,50	(3,956,00)	68,39%
3	Tổng chi phí	"	8,325,71	11,208,08	(2,882,36)	74,28%
4	Lợi nhuận trước thuế	"	233,79	1,307,43	(1,073,64)	17,88%
5	Lợi nhuận sau thuế	"	196,60	1,045,60	(849,00)	18,80%

2. **Nguyên nhân** :

- Do thực hiện chuyển đổi trụ sở, tên Công ty từ Công ty CP in sách giáo khoa Hòa Phát. Trụ sở : 157 Tôn Đức Thắng – P Hòa An – Q Cẩm Lệ - Tp Đà Nẵng ra Hà nội với tên gọi mới là Công ty CP HTINVEST. Trụ sở: Tầng 16, Toàn nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, P Phương Mai, Q Đống Đa, Tp Hà Nội và thành lập chi nhánh tại Đà Nẵng với tên gọi Công ty CP HTINVEST – Chi nhánh Đà Nẵng. Trụ sở : 157 Tôn Đức Thắng – P Hòa An – Q Cẩm Lệ - Tp Đà Nẵng từ ngày 31/7/2018 đến 24/11/2018 mới hoàn tất các thủ tục đăng ký doanh nghiệp
- Bên cạnh đó quá trình giao in sách trong năm 2018 trễ hơn mọi năm (thông thường tháng 11 đã bắt đầu in) nên chi phí tiền lương, BHXH, khấu hao, sửa chữa MMTB, chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn phát sinh. Trong khi đó doanh thu in sách chưa có

Trên đây là những nguyên nhân chính làm lợi nhuận sau thuế năm 2018 giảm hơn 10% so với năm 2017. Trân trọng kính giải trình đến UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội.

Nơi gửi :

- Như trên
- Lưu



NGUYỄN THANH TÙNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần HTInvest công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần HTInvest (trước đây là Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát, sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000201 ngày 12/01/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02/10/2018 với số mã số doanh nghiệp là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 18.049.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2018: 18.049.800.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0243. 5642687
- Website: www.htinvesthn@gmail.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhân, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh Tùng (Giám đốc tại Chi nhánh Đà Nẵng) ký Báo cáo tài chính này theo văn bản ủy quyền số 03/UQ – HTInvest tại ngày 16/01/2019.
- Kế toán trưởng Công ty đã ủy quyền cho ông Lê Quang Dĩnh Thạnh – Kế toán trưởng tại Chi nhánh Đà Nẵng ký Báo cáo tài chính theo văn bản ủy quyền số 04/UQ – HTInvest tại ngày 16/01/2019.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
TUQ Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.994.389.644	16.562.489.981
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.508.468.618	13.152.281.962
1. Tiền	111		108.468.618	102.281.962
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.400.000.000	13.050.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.385.941.718	1.739.890.796
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	376.584.935	1.666.541.094
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	12.000.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	52.693.127	116.432.294
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(60.655.388)	(56.848.039)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		17.319.044	13.765.447
IV. Hàng tồn kho	140	11	945.821.045	663.811.562
1. Hàng tồn kho	141		945.821.045	663.811.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		154.158.263	6.505.661
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.047.137	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	142.111.126	6.505.661
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.779.212.522	4.425.238.236
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.220.541.888	3.823.727.534
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.611.401.888	3.214.587.534
- Nguyên giá	222		25.174.128.653	25.174.128.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.562.726.765)	(21.959.541.119)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	609.140.000	609.140.000
- Nguyên giá	228		609.140.000	609.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	558.670.634	571.719.035
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		590.671.007	590.671.007
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(32.000.373)	(18.951.972)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	29.791.667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	29.791.667
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		19.773.602.166	20.987.728.217

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		482.477.367	905.859.907
I. Nợ ngắn hạn	310		482.477.367	905.859.907
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	301.226.582	397.706.684
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	21.427.834
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6.974.411	123.448.940
4. Phải trả người lao động	314		-	260.568.551
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	174.276.374	98.434.668
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	4.273.230
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.291.124.799	20.081.868.310
I. Vốn chủ sở hữu	410		19.291.124.799	20.081.868.310
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	(60.093.500)	(60.093.500)
3. Cổ phiếu quỹ	415	17	(914.353.746)	(914.353.746)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	1.914.347.993	1.914.347.993
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	301.424.052	1.092.167.563
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		104.819.563	46.570.842
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		196.604.489	1.045.596.721
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		19.773.602.166	20.987.728.217

TUQ Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2019

TUQ Kế toán trưởng

Lê Quang Đình Thạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	7.418.380.775	11.569.616.516
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		7.418.380.775	11.569.616.516
4. Giá vốn hàng bán	11	19	6.834.626.091	9.072.661.240
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		583.754.684	2.496.955.276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.071.281.211	943.886.020
7. Chi phí tài chính	22	21	16.153.675	(16.422.001)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	22	58.773.533	55.464.375
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.414.929.843	2.044.044.821
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		165.178.844	1.357.754.101
11. Thu nhập khác	31		69.839.771	2.000.000
12. Chi phí khác	32		1.230.004	52.328.000
13. Lợi nhuận khác	40		68.609.767	(50.328.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		233.788.611	1.307.426.101
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	37.184.122	261.829.380
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		196.604.489	1.045.596.721
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	119	635
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25	119	635



Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2019

TUQ Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Lê Quang Đình Thạnh

Người lập biểu

(Handwritten signature)

Lê Quang Đình Thạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT
- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		8.693.865.436	11.469.338.975
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(2.787.110.178)	(3.721.020.211)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.750.723.848)	(5.253.415.270)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	15	(172.789.587)	(271.100.115)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		48.601.641	1.014.870.067
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.578.010.328)	(2.272.303.258)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		453.833.136	966.370.188
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	8	(12.000.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	10.076.183.229
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9, 20	888.504.520	888.595.926
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.111.495.480)	10.964.779.155
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	16, 17d	(986.151.000)	(986.151.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(986.151.000)	(986.151.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(11.643.813.344)	10.944.998.343
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	13.152.281.962	2.207.283.619
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1.508.468.618	13.152.281.962

TUQ Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HTINVEST
HÀ NỘI

Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2019

TUQ Kế toán trưởng

(Signature)

Lê Quang Đình Thạnh

Người lập biểu

(Signature)

Lê Quang Đình Thạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần HTInvest (trước đây là Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát, sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000201 ngày 12/01/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02/10/2018 với số mã số doanh nghiệp là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In ấn sách và ấn phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhân, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyên quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hằng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Việc lập dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	10

4.6 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phân vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính phát sinh trong kỳ tại công ty là chi phí dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn, cắt rọc;
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.16 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	3.370.986	26.180.941
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	105.097.632	76.101.021
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	1.400.000.000	13.050.000.000
Cộng	<u>1.508.468.618</u>	<u>13.152.281.962</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. Đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tiền gửi số 01/06/256907/HĐTG ngày 08/06/2012 với số tiền: 500.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 12 tháng, vào ngày đến hạn thì toàn bộ số tiền gửi sẽ được chuyển sang một kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất hiện hành đến hạn. Đến ngày 08/06/2018, Công ty không rút số vốn trên nên toàn bộ số tiền gửi đã được chuyển sang kỳ hạn mới với lãi suất 6,4%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi số 04/06/256907/HĐTG ngày 10/06/2014 với số tiền: 500.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 6 tháng, lãi suất tiền gửi là 5,7%/năm. Đến ngày 10/12/2018, Công ty không rút số vốn trên nên toàn bộ số tiền gửi đã được chuyển sang kỳ hạn mới với lãi suất 5,1%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2018				01/01/2018			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Công ty CP Sách - TBTH TP. HCM (STC) (i)	13.300	207.896.764	-	228.760.000	13.300	207.896.764	-	412.300.000
- Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hà Nội (EBS) (i)	308	7.414.800	4.242.400	3.172.400	308	7.414.800	4.304.000	3.110.800
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng (DAD) (i)	5.700	117.553.675	17.803.675	99.750.000	5.700	117.553.675	4.693.674	112.860.001
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội (EID) (i)	3.700	45.986.888	-	51.800.000	3.700	45.986.888	-	54.760.000
- Công ty CP Sách - TBTH Quảng Ngãi (ii)	6.000	60.000.000	9.954.298		6.000	60.000.000	9.954.298	
- Công ty CP Sách - TBGD Miền Trung (ii)	3.000	30.000.000	-		3.000	30.000.000	-	
- Công ty Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng (DAE) (i)	8.000	121.818.880	-	128.000.000	8.000	121.818.880	-	130.400.000
Cộng		590.671.007	32.000.373			590.671.007	18.951.972	

- (i) Dự phòng giảm giá đối với các cổ phiếu đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là chênh lệch giảm giữa giá đóng cửa tại 31/12/2018 với giá gốc của các cổ phiếu này và số lượng các cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.
- (ii) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2018. Công ty cũng không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. Phải thu của khách hàng****a. Ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	45.237.665	133.691.871
Công ty CP Quan hệ quốc tế - Đầu tư sản xuất	163.068.659	-
Các đối tượng khác	168.278.611	1.532.849.223
Cộng	376.584.935	1.666.541.094

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2018	01/01/2018
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	-	1.393.351.820
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	45.237.665	133.691.871
Công ty CP Quan hệ quốc tế - Đầu tư sản xuất	163.068.659	-
Cộng	208.306.324	1.527.043.691

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Cty CP Quan hệ quốc tế - Đầu tư sản xuất (Bên liên quan)	12.000.000.000	-
Cộng	12.000.000.000	-

Cho Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế - Đầu tư sản xuất vay theo Hợp đồng vay vốn số 18/2018/HĐVV ngày 21/04/2018, thời hạn cho vay là không kỳ hạn (khi công ty có nhu cầu chấm dứt cho vay thì phải thông báo bằng văn bản cho đối tác trước ít nhất 15 ngày), lãi suất cho vay 8%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, thế chấp và đã được Hội đồng quản trị thông qua bằng Nghị quyết số 39/2018/NQ-HTP-HĐQT ngày 27/03/2018. Nội dung này sẽ được Công ty trình Đại hội cổ đông thường niên 2019 phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	25.842.192	-	44.981.805	-
Phải thu về cổ phần hóa	1.000.000	-	1.000.000	-
Tạm ứng	13.717.500	-	45.365.777	-
Phải thu khác	12.133.435	-	25.084.712	-
Cộng	52.693.127	-	116.432.294	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 3 năm trở lên	47.329.664	47.329.664
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	13.325.724	9.518.375
Cộng	60.655.388	56.848.039

11. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	562.612.699	-	489.874.898	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	321.311.081	-	108.782.401	-
Hàng hóa	61.897.265	-	65.154.263	-
Cộng	945.821.045	-	663.811.562	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2018.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng/khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.704.591.937	18.709.830.222	759.706.494	25.174.128.653
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	5.704.591.937	18.709.830.222	759.706.494	25.174.128.653
Khấu hao				
Số đầu năm	4.675.913.123	16.956.216.048	327.411.948	21.959.541.119
Khấu hao trong năm	313.072.454	228.356.829	61.756.363	603.185.646
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	4.988.985.577	17.184.572.877	389.168.311	22.562.726.765
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.028.678.814	1.753.614.174	432.294.546	3.214.587.534
Số cuối năm	715.606.360	1.525.257.345	370.538.183	2.611.401.888

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 16.635.601.738 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2018.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	609.140.000	609.140.000
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	609.140.000	609.140.000
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	609.140.000	609.140.000
Số cuối năm	609.140.000	609.140.000

(*) Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 157 Tôn Đức Thắng, Thành phố Đà Nẵng, được sử dụng làm văn phòng chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP In và Vật tư Sài Gòn	31.887.898	73.013.000
Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật Thành Thái	122.100.000	162.800.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu ngành in SIC	32.780.000	49.415.000
Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	86.074.924	86.074.924
Các đối tượng khác	28.383.760	26.403.760
Cộng	301.226.582	397.706.684

15. Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	111.942.174	449.322.633	561.264.807	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.505.661	-	37.184.122	172.789.587	142.111.126	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.506.766	44.790.855	49.323.210	-	6.974.411
Các loại thuế khác	-	-	3.500.000	3.500.000	-	-
Cộng	6.505.661	123.448.940	534.797.610	786.877.604	142.111.126	6.974.411

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	44.428.609	59.328.405
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	74.105.600	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.545.750	13.348.750
Phải trả khác	41.196.415	25.757.513
Cộng	174.276.374	98.434.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2017	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	1.033.918.842
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.045.596.721
Giảm trong năm	-	-	-	-	987.348.000
Số dư tại 31/12/2017	<u>18.049.800.000</u>	<u>(60.093.500)</u>	<u>(914.353.746)</u>	<u>1.914.347.993</u>	<u>1.092.167.563</u>
Số dư tại 01/01/2018	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	1.092.167.563
Tăng trong năm	-	-	-	-	196.604.489
Giảm trong năm	-	-	-	-	987.348.000
Số dư tại 31/12/2018	<u>18.049.800.000</u>	<u>(60.093.500)</u>	<u>(914.353.746)</u>	<u>1.914.347.993</u>	<u>301.424.052</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Vốn góp của Cty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN	3.816.000.000	3.816.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.639.800.000	12.639.800.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	1.594.000.000	1.594.000.000
Cộng	<u>18.049.800.000</u>	<u>18.049.800.000</u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu phổ thông	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	159.400	159.400
- Cổ phiếu phổ thông	159.400	159.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu phổ thông	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.092.167.563	1.033.918.842
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	196.604.489	1.045.596.721
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	987.348.000	987.348.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	987.348.000	987.348.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	301.424.052	1.092.167.563

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 61/NQ/ĐHCD-HTP ngày 27/04/2018 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 6%/vốn điều lệ (tương đương 987.348.000 đồng). Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức này vào ngày 26/04/2018.

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu in ấn, cắt rọc	5.251.590.200	9.247.308.673
Doanh thu hoạt động khác	2.166.790.575	2.322.307.843
Cộng	7.418.380.775	11.569.616.516

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn in ấn, cắt rọc	5.038.239.494	7.314.012.393
Giá vốn hoạt động khác	1.796.386.597	1.758.648.847
Cộng	6.834.626.091	9.072.661.240

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	983.965.566	850.199.142
Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.468.000	50.607.200
Chiết khấu thanh toán nhận được	38.847.645	43.079.678
Cộng	1.071.281.211	943.886.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***21. Chi phí tài chính**

	Năm 2018	Năm 2017
Dự phòng tổn thất đầu tư	13.048.401	(16.422.001)
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	3.105.274	-
Cộng	16.153.675	(16.422.001)

22. Chi phí bán hàng

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí vận chuyển sách	29.385.036	54.436.375
Các khoản khác	29.388.497	1.028.000
Cộng	58.773.533	55.464.375

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên quản lý	899.587.414	1.097.735.788
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	81.204.684	177.964.053
Các khoản khác	434.137.745	768.344.980
Cộng	1.414.929.843	2.044.044.821

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	233.788.611	1.307.426.101
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(47.868.000)	1.720.800
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	600.000	52.328.000
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	48.468.000	50.607.200
Tổng thu nhập chịu thuế	185.920.611	1.309.146.901
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37.184.122	261.829.380

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	37.184.122	261.829.380
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***25. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	196.604.489	1.045.596.721
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	196.604.489	1.045.596.721
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.645.580	1.645.580
Lãi cơ bản, suy giảm trên trên cổ phiếu	119	635

26. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	875.055.439	1.514.755.351
Chi phí nhân công	4.347.468.670	5.654.099.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	603.185.646	730.921.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	379.353.522	1.038.975.750
Chi phí khác bằng tiền	684.520.788	489.921.626
Cộng	6.889.584.065	9.428.673.801

27. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là in ấn sách giáo khoa và một bộ phận địa lý chính là Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. Quản lý rủi ro****a) Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch, số dư ngoại tệ và vay nợ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	301.226.582	-	301.226.582
Phải trả khác	55.742.165	-	55.742.165
Cộng	356.968.747	-	356.968.747
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	397.706.684	-	397.706.684
Phải trả khác	39.106.263	-	39.106.263
Cộng	436.812.947	-	436.812.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Công ty không có rủi ro trong thanh khoản, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.508.468.618	-	1.508.468.618
Đầu tư tài chính	1.000.000.000	558.670.634	1.558.670.634
Phải thu khách hàng	315.929.547	-	315.929.547
Phải thu về cho vay	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Phải thu khác	38.975.627	-	38.975.627
Cộng	14.863.373.792	558.670.634	15.422.044.426

01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.152.281.962	-	13.152.281.962
Đầu tư tài chính	1.000.000.000	571.719.035	1.571.719.035
Phải thu khách hàng	1.609.693.055	-	1.609.693.055
Phải thu khác	71.066.517	-	71.066.517
Cộng	15.833.041.534	571.719.035	16.404.760.569

29. Thông tin về các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng
Công ty CP Quan hệ quốc tế - Đầu tư Sản xuất

Công ty đầu tư
Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư
Chung công ty đầu tư

TGD Công ty CP HTInvest là Phó TGD Công ty CP Quan hệ quốc tế - Đầu tư Sản xuất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2018	Năm 2017
Mua hàng			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Sách giáo khoa	807.390.496	746.980.536
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách giáo khoa	727.972.292	683.075.204
Bán hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Tiền công in	4.045.677.764	6.775.837.404
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Tiền công in	1.531.353.177	2.840.683.348
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng	Cung ứng sách	207.196.785	397.229.730
Cho vay, thu hồi nợ vay			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Lãi cho vay	-	515.284.815
Công ty CP Quan hệ quốc tế - Đầu tư Sản xuất	Lãi cho vay	665.424.659	-
	Cho vay	12.000.000.000	-

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2018	Năm 2017
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	327.526.319	417.242.805
Thù lao của Hội đồng quản trị	-	63.500.000
Cộng	327.526.319	480.742.805

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

31. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC.

TUQ Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

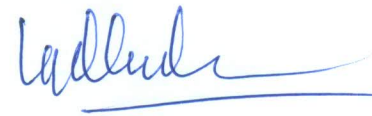
Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2019

TUQ Kế toán trưởng



Lê Quang Đĩnh Thạnh

Người lập biểu



Lê Quang Đĩnh Thạnh